

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
Thành phố Hồ Chí Minh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 755/2018/DS-ST.
Ngày: 25/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 274/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Hải H (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh N (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

- Bà Nguyễn Thị H (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Huỳnh Văn N1 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 04 năm 2018, bản tự khai ngày 19/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Hải H - nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/6/2017 ông Huỳnh Thanh N cùng mẹ là bà Nguyễn Thị H có vay của ông số tiền 194.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Để bảo đảm số tiền vay trên, ông N có thể chấp cho ông bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số 611/98/QSDĐ/Quyền 4 do UBND huyện H cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/11/1998.

Đến hạn trả nợ nhưng ông N không trả cho ông số nợ trên, Do đó, ông yêu cầu ông N và bà H có trách nhiệm trả cho ông số nợ 194.000.000 đồng, ngay sau khi ông N, bà H trả xong nợ ông sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ trên.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Thanh N - bị đơn trình bày:

Ông có vay tiền của ông H tổng cộng 160.000.000 đồng, còn 34.000.000 đồng là tiền lãi, cộng lại ông còn nợ ông H 194.000.000 đồng, hẹn đến ngày 07/7/2017 ông sẽ trả nợ. Ông có thể chấp cho ông H bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số 611/98/QSDĐ/Quyền 4 do UBND huyện H cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/11/1998.

Do làm ăn thất bại nên ông không có khả năng trả nợ cho ông H, nay ông đồng ý trả cho ông H số tiền 194.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Ngay sau khi ông trả xong số nợ trên, ông đề nghị ông H trả lại cho ông giấy chứng nhận QSDĐ số 611/98/QSDĐ/Quyền 4 do UBND huyện H cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/11/1998.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2018 bà Nguyễn Thị H-người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà sẽ phụ con bà trả nợ cho ông H, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Đối với giấy chứng nhận QSDĐ số 611/98/QSDĐ/Quyền 4 do UBND huyện H cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/11/1998, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án nên tách ra thành vụ kiện khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Đặng Hải H và ông Huỳnh Thanh N là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại huyện H, căn cứ vào khoản 14 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông H có trách nhiệm trả cho ông số tiền 194.000.000 đồng, ông sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số 611/98/QSDĐ/Quyền 4 do UBND huyện H cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/11/1998. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 07/6/2017 ông Huỳnh Thanh N có vay của ông Đặng Hải H số tiền 194.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền. Từ ngày vay đến nay ông N chưa trả cho ông H số tiền nào, do đó, căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với Giấy chứng nhận QSDĐ số 611/98/QSDĐ/Quyền 4 do UBND huyện H cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/11/1998 do ông H đang giữ, ông H yêu cầu ông N trả hết số tiền 194.000.000 đồng, ông sẽ trả lại giấy chứng nhận QSDĐ cho ông N. Hội đồng xét thấy, giữa ông H và ông N tuy không lập hợp đồng thế chấp tài sản nhưng cả hai bên đều thừa nhận khi vay tiền thì ông N có giao giấy chứng nhận QSDĐ nói trên cho ông H, khi nào ông N trả xong nợ thì ông H có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSDĐ trên cho ông N. Do đó, giao dịch giữa ông N và ông H là thế chấp tài sản, tuy nhiên, theo Điều 502 Bộ luật dân sự và điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai, việc thế chấp quyền sử dụng đất phải lập thành văn bản và phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định nhưng giao dịch này các bên không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Căn cứ khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 122 Bộ luật dân sự thì giao dịch dân sự này vô hiệu. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu và Giấy chứng nhận QSDĐ số 611/98/QSDĐ/Quyền 4 do UBND huyện H cấp cho ông Huỳnh Văn N1. Tòa án cũng đã triệu tập ông N1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng ông N1 không đến Tòa, không trình bày ý kiến cũng như yêu cầu của mình, do đó, ông N1 có quyền khởi kiện vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Xét ý kiến của ông Huỳnh Thanh N, ông N cho rằng chỉ vay của ông H 160.000.000 đồng, số tiền 34.000.000 đồng là tiền lãi, ông đồng ý trả cho ông H số tiền 194.000.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Hội đồng xét thấy, căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 07/6/2017 thì ông N có vay của ông H 194.000.000 đồng, ông N cho rằng chỉ vay 160.000.000 đồng, còn 34.000.000 đồng là tiền lãi nhưng không có gì chứng minh, tuy nhiên ông N vẫn đồng ý trả cho ông H số tiền 194.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Việc xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, ông H không đồng ý. Hội đồng xét

thấy phương thức trả như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên không chấp nhận.

Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị H, bà H đồng ý cùng ông N trả nợ cho ông H, bà xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng, đây là việc tự nguyện trả nợ của bà H, nhưng ông H không đồng ý cho bà H trả mỗi tháng 1.500.000 đồng, do đó yêu cầu của bà H không được chấp nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Huỳnh Thanh N phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Huỳnh Thanh N có trách nhiệm trả cho ông Đặng Hải H số tiền 194.000.000 (một trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh N chịu 9.700.000 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho ông Đặng Hải H số tiền 4.850.000 đồng, theo biên lai thu số 0018321 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố

Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDHH;
- THA DS HH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng